

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 35 Liên thông - Xây dựng DD **Ngành** : Xây dựng dân dụng và công nghiệp **Năm học** : 2011 - 2012 **ĐVHT** : 3
Hệ DT : Liên thông cao đẳng **Học Phần** : Toán ứng dụng 2 **Học Kỳ** : 1 **Lần** : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3510501001	Nguyễn Hữu	Bá	20/05/1983	2						2.00	0.60	0.00	0.00	1	
2	3510501002	Võ Tấn	Bình	02/09/1989	5						5.00	1.50	1.00	0.70	2	
3	3510501003	Thái Nguyễn Ngọc	Châu	23/01/1982	2						2.00	0.60	0.00	0.00	1	
4	3510501004	Nguyễn Văn	Đắc	20/11/1988	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
5	3510501005	Nguyễn Văn	Điệp	03/03/1989	5						5.00	1.50	2.00	1.40	3	
6	3510501006	Nguyễn Trọng	Hảo	19/06/1990	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
7	3510501007	Nguyễn Văn	Hiệp	06/10/1988	3						3.00	0.90	2.00	1.40	2	Học lại
8	3510501008	Nguyễn Đức	Hưng	01/02/1988	4						4.00	1.20	1.00	0.70	2	
9	3510501009	Nguyễn Văn	Lộc	06/07/1984	3						3.00	0.90	2.00	1.40	2	Học lại
10	3510501010	Nguyễn Thị Bình	Minh	22/10/1982	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	
11	3510501011	Đào Đình	Nghĩa	10/10/1990	6						6.00	1.80	1.00	0.70	3	
12	3510501013	Hoàng Hữu	Phước	01/10/1984	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	
13	3510501014	Trần Minh	Quang	20/06/1987	7						7.00	2.10	5.00	3.50	6	
14	3510501015	Trần Quang	Quốc	20/08/1986	4						4.00	1.20	3.00	2.10	3	Học lại
15	3510501016	Đặng Thanh	Quý	19/05/1980	4						4.00	1.20	3.00	2.10	3	Học lại
16	3510501017	Nguyễn Văn	Sang	12/02/1990	5						5.00	1.50	3.00	2.10	4	Học lại
17	3510501018	Nguyễn Hữu	Sanh	21/02/1986	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
18	3510501019	Mai Trường	Sinh	14/02/1989	1						1.00	0.30	1.00	0.70	1	
19	3510501020	Trần Hoàng	Sĩ	18/09/1983	4						4.00	1.20	3.00	2.10	3	
20	3510501021	Bùi Văn	Thanh	24/08/1990	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	
21	3510501022	Nguyễn	Thắm	02/05/1988	6						6.00	1.80	1.00	0.70	3	

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3510501023	Nguyễn Hữu	Thắng	30/04/1981	8						8.00	2.40	4.00	2.80	5	Học lại
23	3510501024	Nguyễn Minh	Thuần	26/09/1989	0						0.00	0.00	0.00	0.00	0	
24	3510501025	Nguyễn Văn	Toàn	15/10/1990	5						5.00	1.50	1.00	0.70	2	
25	3510501026	Nguyễn Đức	Trọng	24/02/1990	6						6.00	1.80	2.00	1.40	3	Học lại
26	3510501027	Nguyễn Minh	Trung	16/10/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
27	3510501028	Lê Anh	Tuấn	15/10/1986	6						6.00	1.80	1.00	0.70	3	
28	3510501029	Nguyễn Anh	Tuấn	07/11/1987	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
29	3510501030	Bùi Đức	Tùng	10/01/1989	4						4.00	1.20	1.00	0.70	2	
30	3510501031	Trần Quang	Văn	06/07/1979	4						4.00	1.20	9.00	6.30	8	
31	3510501032	Nguyễn Ngọc	Vĩnh	01/04/1988	4						4.00	1.20	1.00	0.70	2	Học lại
32	3510501033	Tạ Đức	Vương	02/06/1986	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	
33	3510501034	Đổng Huy	Vỹ	27/07/1987	0						0.00	0.00	3.00	2.10	2	

Tổng: 33.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	1	3.0
Khá	0	0.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	3	9.1
Trung bình	7	21.2
Không đạt	22	66.7
Miễn thi	0	0.0

Trưởng Khoa

Tp.HCM, ngày/....../.....

Giáo Vụ Khoa